

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KS
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày 19/9/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Vương

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Cao Là Nghiên

2. Ông Hồ Ngọc Gia

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Cảnh - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2022/TLST - DS, ngày 25 tháng 4 năm 2022, về “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa 05/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị K** - sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn DT, xã BCB, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

(bà K có mặt)

Bị đơn: - Ông **Nguyễn Thanh Ph** - sinh năm 1974.

- Bà **Đỗ Thị Thu Kh** – sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Thôn MO, xã ST, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

(ông Ph, bà Kh vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Vương Minh N** – sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn DT, xã BCB, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 4 năm 2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Ngày 09/01/2021, vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh; cùng địa chỉ: Thôn MO, xã ST, huyện KS có đến nhà bà K trình bày do khó khăn trong việc làm ăn và hỏi bà Kh vay số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay 45 ngày (từ ngày 09/01/2021 đến ngày 24/02/2021, lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng, (ông Ph, bà Kh đã trả số tiền lãi trong thời hạn là 6.750.000đ). Hai bên có viết giấy vay tiền (đề ngày 09/01/2021), đến hạn trả nợ nhưng ông Ph và bà Kh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà K, bà đã nhiều lần gặp ông Ph, bà Kh yêu cầu trả số nợ trên, nhưng ông Ph, bà Kh không trả nợ cho bà K.

Tính đến ngày 09/4/2022, vợ chồng ông Ph và bà Kh mới trả được cho bà K 40.000.000đ tiền gốc, hiện ông Ph, bà Kh còn nợ bà K số tiền gốc là 110.000.000đ. Mặc dù bà đã liên hệ và đòi nợ rất nhiều lần nhưng ông Ph, bà Kh cố tình né tránh không trả nợ cho bà K. Do vậy bà K làm khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh phải trả cho bà K số tiền gốc là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 20%/năm cho đến khi kết thúc phiên tòa.

Tại phiên tòa bà K xác định lại số tiền ông Ph, bà Kh đã trả tiền gốc là 105.000.000đ, tiền lãi là 6.750.000đ.

Bà K yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh phải trả cho bà K như sau: Tiền gốc: 45.000.000đ; tiền lãi tính theo quy định của pháp luật là 20%/năm cho đến khi kết thúc phiên tòa là 21.457.533đ, số tiền lãi ông Ph, bà Kh đã trả là 6.750.000đ, tiền lãi còn lại là 14.707.533đ. Tổng cộng là: 59.707.533đ;

Bà Nguyễn Thị K rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc vượt quá là: 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 08/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph, bà Đỗ Thị Thu Kh trình bày:

Ngày 09/01/2021, vợ chồng ông Ph, bà Kh có vay của Nguyễn Thị K số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 45 ngày hai bên có viết giấy mượn tiền và có thỏa thuận lãi suất (đề ngày 09/01/2021), mục đích vay mua xe ô tô (xe ben), vợ chồng ông Ph, bà Kh đã trả được 105.000.000đ tiền gốc, và tiền lãi trong thời hạn vay là 6.750.000đ.

Nay vợ chồng ông Ph, bà Kh đồng ý trả cho bà K như sau: Tiền gốc 45.000.000đ; tiền lãi tính theo quy định của pháp luật là 20%/năm cho đến khi kết thúc phiên tòa. Vợ chồng ông Ph, bà Kh cam kết trong thời hạn 02 tháng sẽ trả hết cho bà K.

Tại bản tự khai ngày 08/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Minh N trình bày:

Ông N (chồng bà K) xác định là ngày 24/02/2021, ông Ph, bà Kh đã trả 40.000.000đ bằng tiền mặt; ngày 02/6/2021, ông Ph, bà Kh đã trả cho bà K 65.000.000đ bằng chuyển khoản qua tài khoản của ông N.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về giải quyết toàn bộ vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn đã vi phạm quy định về nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền vay là: 59.707.533đ; trong đó tiền gốc 45.000.000đ; tiền lãi 14.707.533đ.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Nguyễn Thị K về yêu cầu ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh phải trả số tiền 65.000.000đ.

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn cung cấp: Bản chính giấy mượn tiền ngày 09/01/2021,

Bị đơn cung cấp: Hóa đơn chuyển tiền ngày 02/6/2021.

Tòa án thu thập chứng cứ: Biên bản xác minh về nơi cư trú của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên Tòa; đề nghị của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị K nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện KS giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh phải trả số tiền nợ vay, nên đây là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện KS.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa, nhưng ông Ph và bà Kh vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Do có quen biết, bà Nguyễn Thị Kh có cho ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh vay tiền, mục đích vay mua xe ô tô (xe ben). Đến hạn trả nợ nhưng ông Ph, bà Kh không trả nợ cho bà K. Do vậy bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Ph và bà Kh phải trả cho bà K số tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm cho đến khi kết thúc phiên tòa.

[3]. *Xét về chứng cứ vụ án:* Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện: Bà Nguyễn Thị K có cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh vay số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 45 ngày (từ ngày 09/01/2021 đến ngày 24/2/2021), lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng, hai bên có viết giấy mượn tiền (đề ngày 09/01/2021), có chữ ký của vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh. Việc vay tiền và viết giấy vay tiền được vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh xác nhận là đúng sự thật (Tại bản tự khai ngày 08/8/2021), nên bản gốc của giấy vay tiền đề ngày 09/01/2021 là tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn xác nhận, tại bản tự khai ngày 08/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác nhận, tại bản tự khai ngày 08/8/2021 bị đơn xác nhận:

Ngày 24/02/2021, ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh đã trả bà Kh tiền gốc là 40.000.000đ, còn lại tiền gốc là 110.000.000đ.

Ngày 02/6/2021, ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh đã trả bà K tiền gốc là 65.000.000đ, số tiền gốc là 45.000.000đ;

Xét thấy, việc vay tài sản đã kéo dài một thời gian nhưng bị đơn không có thiện chí trả nợ đã làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, nên căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh trả nợ cho Nguyễn Thị K số tiền nợ gốc là 45.000.000đ (Bốn mươi năm triệu đồng).

Về lãi suất của khoản vay: Trong giấy mượn tiền có thỏa thuận về lãi suất vay tiền, hai bên tự thỏa thuận là 03%/tháng, ông Ph, bà Kh đã trả là 6.750.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà K rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất; bà K chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh phải lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm; cụ thể như sau:

Tiền lãi tính từ ngày 09/01/2021 đến ngày 24/02/2021 là 47 ngày.

$(150.000.000đ \times 20\%/năm \times 47 \text{ ngày}) = 3.863.013đ$

Tiền lãi tính từ ngày 25/02/2021 đến ngày 02/6/2021 là 98 ngày.

$(110.000.000đ \times 20\%/năm \times 98 \text{ ngày}) = 5.906.849đ$

Tiền lãi tính từ ngày 03/6/2021 đến ngày 19/9/2022 là 474 ngày.

$(45.000.000đ \times 20\%/năm \times 474 \text{ ngày}) = 11.687.671đ$

Cộng tiền lãi: $3.863.013đ + 5.906.849đ + 11.687.671đ = 21.457.533đ$.

Số tiền lãi ông Ph, bà Kh đã trả là 6.750.000đ.

$$(21.457.533đ - 6.750.000đ) = 14.707.533đ.$$

Xét về yêu cầu lãi suất khoản vay của bà K phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh phải trả cho bà K số tiền lãi là 14.707.533đ.

[3]. Tổng cộng số tiền mà ông Ph và bà Kh phải trả cho bà K là 59.707.533đ; trong đó: Tiền gốc 45.000.000đ; tiền lãi 14.707.533đ.

[2]. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị K rút một phần yêu cầu khởi kiện của số tiền gốc vượt quá là: 65.000.000đ.

Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà K là hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Nguyễn Thị K về yêu cầu ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh phải trả số tiền 65.000.000đ.

[4]. *Về án phí*: Ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật là $(59.707.533đ \times 5\%) = 2.985.376đ$.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị K 2.750.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền vay là: 59.707.533đ (Năm mươi chín triệu bảy trăm linh bảy nghìn năm trăm ba mươi ba đồng); trong đó: Tiền gốc 45.000.000đ; tiền lãi 14.707.533đ.

[2]. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Nguyễn Thị K về yêu cầu ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh phải trả số tiền 65.000.000đ.

[3]. *Về án phí*: Ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật là: 2.985.376đ (Hai triệu chín trăm tám mươi năm nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị K 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0008147 ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

[4]. *Quy định*: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Nguyễn Thị K có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải thi hành án cho

người được thi hành án) mà ông Nguyễn Thanh Ph và bà Đỗ Thị Thu Kh chưa thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng ông Ph và bà Kh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông Nguyễn Thanh Ph, bà Đỗ Thị Thu Kh, ông Vương Minh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện KS;
- THADS huyện KS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Vương